

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Đường Ngô Mây nối dài, Thuộc phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 61/2019/QĐ –UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 116/TTr-BQLGT ngày 19/01/2021 và Biên bản cuộc họp ngày 05/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Đường Ngô Mây nối dài, thuộc phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ 07 hộ gia đình, cá nhân, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là: 2.832.921.000 đồng (*Hai tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, chín trăm hai mươi một ngàn đồng*). Trong đó:

| | | |
|---|---------------|-------|
| - Bồi thường, hỗ trợ về đất: | 1.275.770.000 | đồng; |
| - Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở: | 1.306.369.000 | đồng; |
| - Bồi thường vật kiến trúc: | 11.669.000 | đồng; |
| - Bồi thường cây cối, hoa màu: | 130.000 | đồng; |
| - Bồi thường di chuyển tài sản và các khoản HT khác | 178.000.000 | đồng; |
| - Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): | 55.439.000 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng cưỡng chế: | 5.544.000 | đồng. |

2. **Nguồn vốn chi trả:** Vốn bồi thường, GPMB dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn.

(Kèm theo Phụ lục và Phương án chi tiết theo Văn bản số 116/TTr-BQLGT ngày 19/01/2021 của Thường trực Hội đồng bồi thường, GPMB dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn).

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO BỊ ẢNH HƯỞNG GPMB DỰ ÁN ĐƯỜNG NGÔ MÂY NÓI DÀI

**Đợt 4: Bồi thường, hỗ trợ đất đai, nhà ở vật kiến trúc và cây cối hoa màu cho 7 hộ gia đình, cá nhân
thuộc địa bàn phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Chủ sử dụng | Địa chỉ | Tờ bản đồ số | Thửa số | Tổng diện tích thửa đất (m2) | Diện tích bị thu hồi (m2) | Diện tích còn lại (m2) | Nội dung bồi thường, hỗ trợ | | | | | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng) |
|----------|---|--------------------------------------|-----------------------|------------|---------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|--|--|
| | | | | | | | | Bồi thường, hỗ trợ về đất | Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở | Bồi thường vật kiến trúc | Bồi thường, cây cối hoa màu | Bồi thường di chuyển tài sản và các khoản hỗ trợ khác | |
| 1 | Hộ ông Phạm Văn Tùng, vợ Nguyễn Thị Hạnh | 151 Hoàng Văn Thụ, P. Quang Trung | 1 | 53 | 77,8 | 17,2 | 60,6 | 860.000.000 | 691.698.700 | - | 110.000 | 25.000.000 | 1.576.809.000 |
| 2 | Hộ Lò Quyết Chiến | Tổ 6B, KV1, P. Quang Trung | 1 | 30 | 24,9 | 24,9 | - | 52.290.000 | 59.744.694 | 48.580 | | 27.000.000 | 139.083.000 |
| 3 | Hộ ông Nguyễn Văn Minh | Tổ 6B, KV1, P. Quang Trung | 1 | 32 | 9,2 | 9,2 | - | 19.320.000 | 23.614.150 | - | - | 27.000.000 | 69.934.000 |
| 4 | Hộ ông bà Lê Hồng Phúc + Văn Thị Đền | Tổ 6B, KV1, P. Quang Trung | 1 | 29 | 46,0 | 46,0 | - | 207.000.000 | 197.798.692 | 7.356.976 | - | 28.000.000 | 440.156.000 |
| 5 | Hộ bà Từ Thị Ngọc Tuyết | Tổ 6B, KV1, P. Quang Trung | 1 | 31 | 25,6 | 5,1 | 20,5 | 10.710.000 | 81.533.572 | 640.000 | - | 21.500.000 | 114.384.000 |
| 6 | Hộ ông bà Lê Văn Cường + Bùi Thị Sử | Tổ 6B, KV1, P. Quang Trung | 1 | 28 | 40,1 | 18,2 | 21,9 | 76.500.000 | 98.521.910 | 3.455.846 | 20.000 | 28.500.000 | 206.998.000 |
| 7 | Hộ bà Trần Thị Thu + Phạm Thế Dũng | Tổ 6B, KV1, P. Quang Trung | 1 | 27 | 51,2 | 11,1 | 40,1 | 49.950.000 | 153.457.158 | 167.680 | - | 21.000.000 | 224.575.000 |
| A | Tổng cộng (1+...+7) | | | | 274,8 | 131,7 | 143,1 | 1.275.770.000 | 1.306.369.000 | 11.669.000 | 130.000 | 178.000.000 | 2.771.938.000 |
| B | Chi phí phục vụ công tác GPMB (A x 2%) | | | | | | | | | | | 55.439.000 | |
| C | Chi phí dự phòng cưỡng chế (B x 10%) | | | | | | | | | | | 5.544.000 | |
| D | Tổng cộng (A+B+C) | | | | | | | | | | | 2.832.921.000 | |